

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 05-6-2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị Hồng T**, năm sinh 2000.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh **Đinh Đ**, năm sinh 1997.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng C.**

Địa chỉ: A L, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thanh T2 – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C. (Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị H - Cán bộ hưu trí thị trấn D, huyện S.

Chị Đinh Thị Hồng T và bà Đinh Thị H có mặt; anh Đinh Đ vắng mặt không có lý do; ông Lê Thanh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, các bản tự khai ngày 09/12/2024, ngày 20/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng T trình bày:

Chị Đinh Thị Hồng T và anh Đinh Đ tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và tiến tới hôn nhân, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/6/2019.

Sau khi kết hôn, anh Đ, chị T sống hạnh phúc, mặc dù trong đời sống vợ chồng cũng có lúc lời qua tiếng lại, cãi vã nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên vợ chồng nhường nhịn, bỏ qua và cùng nhau chăm lo cho các con. Tuy nhiên, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Đ đã đánh đập chị T nhiều lần, mặc dù gia đình hai bên có can ngăn, khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không thay đổi tính tình. Tháng 8/2024, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên đã sống ly thân, chị T dẫn con về nhà mẹ đẻ sống từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Đ.

- Về con chung: Chị Đinh Thị Hồng T và anh Đinh Đ có hai con chung tên Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2019 và Đinh Thị Ánh N, sinh ngày 30/8/2020. Khi ly hôn, chị T nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Á và cháu N, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản: Chị T nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc vay còn nợ lại là 37.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn đã ký.

Đối với bị đơn anh Đinh Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, không có văn bản phản hồi và không đến Tòa án để trình bày. Do đó, trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của bị đơn anh Đ.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2024 của Ngân hàng C, bản tự khai ngày 06/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Vào ngày 18/7/2019, hộ gia đình anh Đ, chị T có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất 8,25%/năm, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18/7/2024. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế khó khăn nên vào ngày 12/7/2024, anh Đ, chị T đã có đơn xin gia hạn nợ thời gian 12 tháng, theo đó hạn cuối trả nợ vào ngày 18/7/2025. Tính đến ngày 05/6/2025, hộ gia đình anh Đ, chị T còn nợ số tiền gốc 37.000.000đồng và tiền lãi 402.000đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, giữa Ngân hàng C và chị Đinh Thị Hồng T thỏa thuận, chị T nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ lại, Ngân hàng đồng ý và không yêu cầu anh Đ, ông Đinh Đ1 và bà Đinh Thị N1 cùng có trách nhiệm trả.

Kết quả xác minh tại địa phương cho rằng: Vợ chồng anh Đ và chị T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai vợ chồng đều không có công việc làm ổn định, anh Đ ham chơi, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Trong lúc cãi vã, anh Đ đã dùng bạo lực với chị T nhiều lần. Đến tháng 8 năm 2024, chị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống cùng thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho đến nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn anh Đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Đinh Thị Hồng T được ly hôn anh Đinh Đ. Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2019 và Đinh Thị Ánh N, sinh ngày 30/8/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; vì chị T không yêu cầu nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ tài sản: Xét thấy sự thỏa thuận giữa Ngân hàng C với chị Đinh Thị Hồng T là phù hợp nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này, buộc chị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc 37.000.000đồng, tiền lãi 402.000đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 05/6/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về án phí được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh Đinh Đ và ông Lê Thanh T2. Tại phiên tòa, anh Đ tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ và ông T2.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng T cung cấp có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, chị T và anh Đ đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Hồng T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh Đ kết hôn vào ngày 24/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ ham chơi, không lo làm ăn nên dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, trong lúc cãi vã, anh Đ đã đánh đập chị T nhiều lần, mặc dù gia đình hai bên có can ngăn, khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không thay đổi tính tình nên chị T đã dẫn con về nhà mẹ đẻ sinh sống, cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ nhưng anh Đ không có văn bản, ý kiến phản hồi, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có*

nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy cuộc sống vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc đích thực cho nhau nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đinh Thị Hồng T được ly hôn anh Đinh Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Đinh Đ và chị Đinh Thị Hồng T có hai con chung tên Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2019 và Đinh Thị Ánh N, sinh ngày 30/8/2020. Khi ly hôn, chị T nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Á và cháu N, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Đ không có trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc con. Mặc khác, cả hai cháu còn rất nhỏ, thời gian qua cháu Á và cháu N sống cùng chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Á và cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ tài sản: Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2024, Ngân hàng C yêu cầu hộ gia đình anh Đinh Đ và chị Đinh Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ vay chương trình hộ mới thoát nghèo. Đối với ông Đinh Đ1 và bà Đinh Thị N1, là cha mẹ đẻ của anh Đ và là thành viên hộ gia đình với anh Đ, chị T nên có ký xác lập việc ủy quyền cho anh Đ đứng tên vay. Tuy nhiên, ông bà chỉ ký còn số tiền vay anh Đ và chị T nhận sử dụng riêng cho vợ chồng, ông bà không liên quan. Đồng thời, trong quá trình giải quyết, giữa Ngân hàng C và chị Đinh Thị Hồng T thỏa thuận, chị T nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ, không yêu cầu anh Đ, ông Đ1 và bà N1 cùng có trách nhiệm trả, Ngân hàng đồng ý. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên ý kiến nhận trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận này, buộc chị Đinh Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C xã hội số tiền gốc 37.000.000đồng, tiền lãi 402.000đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 05/6/2025 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo mã khách hàng số 7095814016 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 16/7/2019.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Hồng T được ly hôn anh Đinh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/5/2019 và Đinh Thị Ánh N, sinh ngày 30/8/2020 cho chị Đinh Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đinh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về nghĩa vụ tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng C và chị Đinh Thị Hồng T. Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền 37.402.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc vay 37.000.000 đồng, tiền lãi 402.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 05/6/2025 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mã khách hàng số 7095814016 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 16/7/2019.

4. Về án phí:

Về án phí ly hôn: Chị Đinh Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về án phí nghĩa vụ tài sản: Chị Đinh Thị Hồng T phải chịu 935.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền án phí chị T phải chịu là 1.235.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002422 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà. Chị T còn phải tiếp tục nộp số tiền 935.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện S;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Anh Tuấn

